CPA HANOI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Thành viên hãng AicA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Được kiểm toán bởi:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: 296 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3517 1936 Fax: (08) 3517 1935

Tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG
Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại: (061) 3836371 Fax: (061) 3836194

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	*06 - 07*
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014	*08*
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014	*09 - 10*
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	*11 - 39*

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG
Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại: (061) 3836371 Fax: (061) 3836194

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Miền Đông (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Thành lập:	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3600256545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2006 và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau này.
Hoạt động chính:	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, hệ thống điện nước; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng, mặt bằng; Sản xuất vật liệu xây dựng (đá); Mua bán, chuyển nhượng, cho thuê bất động sản; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp.
Mã chứng khoán:	MDG
Trụ sở chính:	Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Khai	Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 20 tháng 09 năm 2014)
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm Chủ tịch từ ngày 12 tháng 06 năm 2014 và miễn nhiệm Chủ tịch từ ngày 20 tháng 09 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Khóa	Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 06 năm 2014)
Ông Nguyễn Lương Quân	Thành viên
Ông Phan Văn Vũ	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 20 tháng 09 năm 2014)
Ông Nguyễn Đức Thái	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 20 tháng 09 năm 2014)
Ông Võ Hồng Trung	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 20 tháng 09 năm 2014)
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 20 tháng 09 năm 2014)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT *(tiếp theo)*

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Công Khai	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 20/09/2014)
Ông Nguyễn Lương Quân	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 20/09/2014)
Ông Trần Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 20/09/2014)
Ông Nguyễn Đức Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/12/2014)

Ban kiểm soát

Ông Huỳnh Anh Dũng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thành Đô	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 20/09/2014)
Ông Lê Hải Hà	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 20/09/2014)
Ông Trần Nguyên Dũng	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 20/09/2014)
Ông Nguyễn Đức Luận	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 20/09/2014)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện công tác kiểm toán các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, nguồn vốn chủ sở hữu, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 24 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Công Khai
Tổng Giám đốc

CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN TP.HCM
296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935
Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số tham chiếu: 15-2-0022/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Miền Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Miền Đông ("Công ty"), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính, được lập ngày 24 tháng 03 năm 2015, từ trang 06 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Miền Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Lưu ý người đọc báo cáo

Trong kỳ Công ty có tạm tính khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở số lỗ hoạt động kinh doanh với số tiền là 10.899.467.372 đồng. Tuy nhiên số tiền này có được khấu trừ hay không còn phụ thuộc vào quyết định của cơ quan thuế.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 11 (mười một) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Miền Đông giữ 10 (mười) bản, chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 (một) bản.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Ngọc Tỉnh – Tổng Giám đốc Số Giấy CN ĐKHN: 0132-2013-016-1	**Tô Quang Tùng – Kiểm toán viên** Số Giấy CN ĐKHN: 0270-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Cuối năm VND*	*Đầu năm VND*
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	**100**		**204.384.229.629**	**243.050.173.542**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	***110***		***22.778.141.398***	***22.095.176.918***
1. Tiền	111	*4*	22.778.141.398	22.095.176.918
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	***130***	*5*	***76.411.901.003***	***114.567.334.096***
1. Phải thu khách hàng	131	*5.1*	62.889.069.070	86.857.276.789
2. Trả trước cho người bán	132	*5.2*	11.682.256.584	18.402.667.586
3. Các khoản phải thu khác	135	*5.3*	10.658.602.297	10.032.971.722
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	*5.4*	(8.818.026.948)	(725.582.001)
III. Hàng tồn kho	***140***	*6*	***101.182.628.683***	***97.627.521.430***
1. Hàng tồn kho	141		101.571.006.965	97.627.521.430
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(388.378.282)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	***150***		***4.011.558.545***	***8.760.141.098***
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	1.000.000
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	*7*	4.011.558.545	8.759.141.098
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**165.256.697.325**	**203.677.593.930**
I. Tài sản cố định	***220***		***72.578.128.939***	***70.800.009.081***
1. Tài sản cố định hữu hình	221	*8*	32.951.569.398	35.249.377.007
- Nguyên giá	222		48.652.079.493	59.016.312.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.700.510.095)	(23.766.935.193)
2. Tài sản cố định vô hình	227	*9*	615.800.009	674.411.129
- Nguyên giá	228		1.058.277.900	1.058.277.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(442.477.891)	(383.866.771)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	*10*	39.010.759.532	34.876.220.945
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	***250***		***7.782.200.000***	***57.001.230.000***
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	*11*	8.032.200.000	11.475.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		-	45.776.230.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(250.000.000)	(250.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	***260***		***84.896.368.386***	***75.876.354.849***
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	*12*	73.815.197.014	75.694.650.849
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		10.899.467.372	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		181.704.000	181.704.000
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**369.640.926.954**	**446.727.767.472**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tiếp theo)*
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	NGUỒN VỐN	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Cuối năm VND*	*Đầu năm VND*
A.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**233.424.487.647**	**266.882.050.998**
I.	***Nợ ngắn hạn***	***310***		***232.808.760.447***	***238.908.405.684***
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	*13*	134.245.589.610	164.013.869.799
2.	Phải trả người bán	312	*14*	48.400.716.788	35.081.859.837
3.	Người mua trả tiền trước	313	*15*	28.087.911.759	14.473.956.129
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	*16*	6.755.708.884	11.502.910.568
5.	Phải trả người lao động	315		3.725.767.900	1.322.657.932
6.	Chi phí phải trả	316	*17*	292.314.549	712.556.895
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	*18*	9.069.302.375	8.888.204.942
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.231.448.582	2.912.389.582
II.	***Nợ dài hạn***	***330***		***615.727.200***	***27.973.645.314***
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	13.045.362.506
2.	Phải trả dài hạn khác	333	*19*	615.727.200	615.727.200
3.	Vay và nợ dài hạn	334	*20*	-	14.312.555.608
B.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**136.216.439.307**	**179.845.716.474**
I.	***Vốn chủ sở hữu***	***410***	*21*	***136.216.439.307***	***179.845.716.474***
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		108.890.310.000	108.890.310.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		1.453.130.042	41.757.121.909
3.	Cổ phiếu quỹ	414		(2.967.507.603)	(2.967.507.603)
4.	Quỹ đầu tư phát triển	417		21.609.444.352	21.292.345.175
5.	Quỹ dự phòng tài chính	418		5.567.447.451	5.392.177.451
6.	Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.663.615.065	5.481.269.542
	TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**369.640.926.954**	**446.727.767.472**

M.S.D.N: 3600266545 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Khúc Thị Thanh Hoài	**Mai Xuân Ngợi**	**Nguyễn Công Khai**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 24 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		160.458.145.556	207.165.119.815
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	*22*	**160.458.145.556**	**207.165.119.815**
4. Giá vốn hàng bán	11	*23*	176.812.036.676	179.006.509.219
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**(16.353.891.120)**	**28.158.610.596**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	*24*	7.173.487.244	1.559.470.489
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	*25*	17.740.690.312	16.213.158.248
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*17.297.890.312*	*16.213.158.248*
8. Chi phí bán hàng	24	*26*	5.975.427.847	267.224.026
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	*27*	19.593.674.551	10.511.654.831
10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(52.490.196.586)**	**2.726.043.980**
11. Thu nhập khác	31	*28*	4.618.650.195	13.161.190
12. Chi phí khác	32	*29*	3.435.550.139	295.229.236
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	**40**		**1.183.100.056**	**(282.068.046)**
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	**50**		**(51.307.096.530)**	**2.443.975.934**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	*30*	(103.637.291)	691.277.657
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	*30*	(10.899.467.372)	-
17. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**(40.303.991.867)**	**1.752.698.277**
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	**70**	*31*	**(3.904)**	**163**

Khúc Thị Thanh Hoài	**Mai Xuân Ngợi**	**Nguyễn Công Khai**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 24 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	***01***		***(51.307.096.530)***	***2.443.975.934***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02	*8,9*	3.523.379.271	2.226.861.382
Các khoản dự phòng	03		8.480.823.229	100.000.000
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.287.968.032)	(1.559.470.489)
Chi phí lãi vay	06	*25*	17.297.890.312	16.213.158.248
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***(31.292.971.750)***	***19.424.525.075***
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		34.489.274.011	49.695.826.123
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(3.943.485.535)	(22.315.564.339)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.143.781.804	(47.116.836.536)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.037.237.714	(4.820.522.240)
Tiền lãi vay đã trả	13		(17.490.953.738)	(20.655.693.328)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(331.134.621)	(2.288.210.163)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		356.296.688	(457.509.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(7.031.955.427)***	***(28.533.984.408)***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.384.911.313)	(6.805.897.681)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.586.909.093	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		54.612.693.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.337.024.244	1.559.470.489
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***54.151.715.024***	***(5.246.427.192)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tiếp theo)*

(theo phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(976.353.343)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		196.030.115.146	255.970.411.402
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(240.110.950.943)	(223.713.172.465)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.355.959.320)	(3.216.092.820)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(46.436.795.117)***	***28.064.792.774***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	***50***		**682.964.480**	**(5.715.618.826)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	***60***	*4*	**22.095.176.918**	**27.810.795.744**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	***70***	*4*	**22.778.141.398**	**22.095.176.918**

Khúc Thị Thanh Hoài	**Mai Xuân Ngợi**	**Nguyễn Công Khai**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 24 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Thành lập

Công ty Cổ phần Miền Đông được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Miền Đông (là thành viên thuộc Tổng công ty xây dựng số 1 – Bộ xây dựng, thành lập theo Quyết định số 325/QĐ-BXD ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng), Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3600256545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2006 và các giấy chứng nhận thay đổi tiếp theo bao gồm giấy chứng nhận thay đổi gần nhất lần thứ 8 ngày 18 tháng 11 năm 2014.

Trụ sở chính: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, xây dựng và kinh doanh bất động sản.

Hoạt động chính

Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, hệ thống điện nước; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng, mặt bằng; Sản xuất vật liệu xây dựng (đá); Mua bán, chuyển nhượng, cho thuê bất động sản; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp.

Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 602 người.

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện trên phần mềm kế toán trên máy vi tính.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền và các khoản tương đương tiền
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác
Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến 2 năm trở lên;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến 3 năm trở lên;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu không thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

Hàng tồn kho
Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm giá mua cộng với chi phí vận chuyển, chi phí thu mua. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định và khấu hao
Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình. Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

***Tài sản cố định và khấu hao** (tiếp theo)*
Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06	-	25	năm
Máy móc thiết bị	03	-	20	năm
Phương tiện vận tải	05	-	10	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03	-	07	năm
Phần mềm máy vi tính			06	năm

Đầu tư tài chính
Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thuần có thể thu hồi của các khoản đầu tư.

Chi phí lãi vay
Chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ các khoản đủ điều kiện để vốn hóa. Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn
Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí liên quan đến dự án mỏ đá Tân Mỹ (chi phí đền bù, giải tỏa, chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí khai thác đá và chi phí khác) được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo sản lượng khi mỏ đá đi vào khai thác kinh doanh.

Phải trả và trích trước
Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại, được trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán bằng cách so sánh tỷ lệ của chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ phi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

***Doanh thu** (tiếp theo)*

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh danh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

Thuế thu nhập doanh nghiệp *(tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính khác.

Nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

***Công cụ tài chính** (tiếp theo)*
Bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính
Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các bên liên quan
Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận
Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4. TIỀN

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Tiền mặt	3.650.005.049	1.637.941.958
Tiền gửi ngân hàng	19.128.136.349	20.457.234.960
Cộng	**22.778.141.398**	**22.095.176.918**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

5.1. Phải thu khách hàng

Chỉ tiêu	*Cuối năm* VND	*Đầu năm* VND
Ban quản lý Thủy điện Srepok 3	9.117.887.028	9.170.730.812
Ban quản lý Thủy điện Buôn kuốp	7.111.933.121	12.554.005.155
Công ty TNHH Phúc Đạt	6.825.287.610	6.825.287.610
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	5.195.467.303	-
Ban quản lý Dự án Buôn Tuarsah	4.922.207.512	4.947.531.827
Ban quản lý Thủy điện Dakrtih	4.557.333.095	22.784.618.092
Công ty CP Thủy điện Miền Nam	2.867.832.907	8.199.442.190
Ban quản lý Dự án Trường Lương Thế Vinh	2.312.788.000	-
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp FORMOSA Hà Tĩnh	2.200.055.000	2.200.000.000
Các đối tượng khác	17.778.277.494	20.175.661.103
Cộng	**62.889.069.070**	**86.857.276.789**

5.2. Trả trước cho người bán

Chỉ tiêu	*Cuối năm* VND	*Đầu năm* VND
Công ty CP XLCG và ĐTTM Constrexim	431.544.777	431.544.777
Công ty An Thịnh	600.000.000	600.000.000
Công ty CP Han Lien Import/Export & Manufacture	796.000.000	796.000.000
Công ty TNHH Tư Vấn và Xây Dựng IP	2.433.929.008	-
Công ty TNHH VLXD Tường Nguyên	1.287.205.815	289.312.710
Trung tâm chuyển giao Công nghệ & Dịch vụ Địa Chất	822.277.594	822.277.594
Công ty TNHH Hoàng Kim	-	12.147.937.617
Công ty CP Xây Dựng THV Miền Nam	1.027.170.092	-
Công ty TNHH MTV TM DV & KT Ánh Sáng Việt	500.000.000	-
Các đối tượng khác	3.784.129.298	3.315.594.888
Cộng	**11.682.256.584**	**18.402.667.586**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	*Cuối năm* VND	*Đầu năm* VND
Đền bù giải phóng mặt bằng Thủy điện Đa Dâng	9.208.118.000	9.208.118.000
Phải thu khác	1.450.484.297	824.853.722
Cộng	**10.658.602.297**	**10.032.971.722**

5.4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chỉ tiêu	*Cuối năm* VND	*Đầu năm* VND
Phải thu khách hàng	8.092.444.947	-
Trả trước cho người bán	714.784.623	714.784.623
Phải thu khác	10.797.378	10.797.378
Cộng	**8.818.026.948**	**725.582.001**

6. HÀNG TỒN KHO

Chỉ tiêu	*Cuối năm* VND	*Đầu năm* VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.321.550.308	1.801.628.340
Công cụ, dụng cụ	103.694.182	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	67.442.488.241	63.919.432.247
Dự án phát triển khu đô thị và căn hộ	*16.934.656.786*	*16.417.809.504*
Các công trình xây lắp và khác	*50.507.831.455*	*47.501.622.743*
Hàng hóa bất động sản	28.703.274.234	31.906.460.843
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(388.378.282)	-
Cộng	**101.182.628.683**	**97.627.521.430**

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác là tạm ứng cho nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

CHỈ TIÊU	*Nhà cửa, vật kiến trúc*	*Máy móc, thiết bị*	*Phương tiện vận tải, truyền dẫn*	*Thiết bị văn phòng*	*Cộng*
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.265.343.428	28.194.632.927	12.737.098.203	1.819.237.642	59.016.312.200
Mua trong năm	-	109.000.000	1.279.372.726	-	1.388.372.726
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.917.438.345)	(4.835.167.088)	-	(11.752.605.433)
Số dư cuối năm	16.265.343.428	21.386.194.582	9.181.303.841	1.819.237.642	48.652.079.493
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.803.857.109	10.752.648.113	9.623.701.383	1.586.728.588	23.766.935.193
Khấu hao trong năm	815.815.980	1.592.481.808	950.470.532	105.999.831	3.464.768.151
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.759.723.165)	(4.771.470.084)	-	(11.531.193.249)
Số dư cuối năm	2.619.673.089	5.585.406.756	5.802.701.831	1.692.728.419	15.700.510.095
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	14.461.486.319	17.441.984.814	3.113.396.820	232.509.054	35.249.377.007
Số dư cuối năm	13.645.670.339	15.800.787.826	3.378.602.010	126.509.223	32.951.569.398

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 7.087.630.706 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

CHỈ TIÊU	*Quyền sử dụng đất*	*Phần mềm máy tính*	*Cộng*
	VND	*VND*	*VND*
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	608.300.000	449.977.900	1.058.277.900
Số dư cuối năm	608.300.000	449.977.900	1.058.277.900
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	383.866.771	383.866.771
Khấu hao trong năm	-	58.611.120	58.611.120
Số dư cuối năm	-	442.477.891	442.477.891
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	608.300.000	66.111.129	674.411.129
Số dư cuối năm	608.300.000	7.500.009	615.800.009

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 419.977.900 đồng.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Dự án Điện gió	1.026.144.892	775.235.801
Dự án mỏ đá Tân Mỹ	10.703.366.264	8.417.514.909
Dự án nhà máy xi măng Minh Tâm (a)	17.809.774.771	17.809.774.771
Dự án thủy điện Đa Dâng (b)	9.471.473.605	7.873.695.464
Cộng	**39.010.759.532**	**34.876.220.945**

(a) Tổng giá trị đầu tư của dự án nhà máy xi măng Minh Tâm đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 17.809.774.771 đồng, dự án bị hoãn triển khai theo công văn số 1592/TTg – KTN ngày 28 tháng 08 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ Việt Nam. Dự án này đã được chuyển nhượng cho Công ty CP Xuân Thành Group theo Hợp đồng chuyển nhượng dự án số 20-2015/MDC ngày 26 tháng 02 năm 2015.

(b) Dự án này đã được chuyển nhượng cho Công ty CP Thủy điện Đa Dâng 3 theo Hợp đồng Kinh tế số 29/HĐKT-MDC ngày 31 tháng 10 năm 2014. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 vẫn chưa hoàn tất các thủ tục chuyển giao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chỉ tiêu	*Tỷ lệ sở hữu*	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	%	*VND*	*VND*
Công ty Cổ phần Miền Đông Đầu tư Hạ tầng	45	5.782.200.000	9.225.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Miền Đông (*)	40	250.000.000	250.000.000
Công ty Cổ phần Miền Đông Cơ Khí Điện Máy	41	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng		**8.032.200.000**	**11.475.000.000**

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Địa ốc Miền Đông được lập dự phòng 100%.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Công cụ dụng cụ	4.115.379.454	4.106.538.238
Chi phí chờ phân bổ của dự án mỏ đá Tân Mỹ	69.699.817.560	71.588.112.611
Cộng	**73.815.197.014**	**75.694.650.849**

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	*Ghi chú*	*Cuối năm*	*Đầu năm*
		VND	*VND*
Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		**123.245.589.610**	**146.113.869.799**
Vietcombank - CN Đồng Nai	*a*	34.944.563.259	*34.708.736.000*
BIDV - CN Đồng Nai	*b*	77.324.576.656	*84.411.173.332*
BIDV - CN Đồng Nai (thấu chi)	*c*	10.976.449.695	*8.224.531.467*
Agribank - CN 11		-	*18.769.429.000*
Vay ngắn hạn cá nhân		**-**	**1.900.000.000**
Bà Cao Thị Thái Hà		-	*1.900.000.000*
Vay dài hạn đến hạn trả		11.000.000.000	**16.000.000.000**
Vietinbank - CN 10 thành phố Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số 20)		11.000.000.000	*16.000.000.000*
Cộng		**134.245.589.610**	**164.013.869.799**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN *(tiếp theo)*

a. Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Đồng Nai (Vietcombank) theo Hợp đồng tín dụng số 2014049/HM3/KHDN ngày 21 tháng 08 năm 2014, hạn mức cho vay là 35.000.000.000 đồng; thời hạn vay là 10 - 12 tháng kể từ ngày nhận nợ vay; lãi suất theo từng giấy nhận nợ (hiện tại là 9%/ năm được áp dụng từ ngày 10 tháng 09 năm 2014); mục đích vay để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh; tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2012037/HĐBĐ/NHNT ngày 28 tháng 09 năm 2012.

b. Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai (BIDV) theo Hợp đồng số 16/2014/378264/HĐTD ngày 18 tháng 07 năm 2014; hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 đồng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2014/SĐTD ngày 20 tháng 11 năm 2014; thời hạn vay đến ngày 30 tháng 06 năm 2015; lãi suất vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể (hiện tại là 8,5%/năm áp dụng từ 12/12/2014); mục đích vay để bổ sung vốn lưu động; khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp có giá trị 70.805.000.000 đồng.

c. Vay thấu chi ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – CN Đồng Nai (BIDV) theo hợp đồng thấu chi số 14/2014/HĐ ngày 14 tháng 10 năm 2014; hạn mức thanh toán tối đa là 13.500.000.000 đồng; thời hạn thấu chi từ ngày 14 tháng 10 năm 2014 đến ngày 08 tháng 10 năm 2015; lãi suất 8,5%/tháng; mục đích vay để bổ sung vốn lưu động; tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 15.000.000.000 đồng tại ngân hàng BIDV.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
CN Công ty TNHH MTV CN Hoá chất mỏ Nam bộ - Micco	774.314.612	974.314.612
Công ty TNHH XL & KT VLXD Thanh Nam	5.462.415.852	5.296.706.214
Công ty CP Tư Vấn XD Công Trình VLXD	1.482.000.000	1.482.000.000
Công ty CP Xây Lắp Thương Mại Nguyên Tâm	1.180.538.104	287.820.326
Công ty CP Đông Tây Sài Gòn	1.330.987.364	213.627.715
Công ty CP ĐT XD & TM Quốc Tế Vita	2.134.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Tư vấn xây dựng Phương Nguyên	580.080.098	580.080.098
Công ty TNHH Bê tông Lafarge Việt Nam	1.256.766.562	3.184.339.870
Công ty TNHH XDTMDV Hoàng Lê Hưng	884.293.430	587.441.810
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	508.248.415	758.248.415
Công ty TNHH Đại Long Minh	792.100.522	808.714.310
Công ty CP Xây Dựng Long Giang	898.770.931	1.425.952.731
Công ty CP Nhà Rồng	717.712.258	1.488.436
Công ty Minh Thỏa	748.150.542	748.150.542
DNTN Tân Xuân Anh	1.100.369.238	1.440.369.238
Công ty TNHH XD & DV TM Tiến Thành - Nghi Sơn	647.587.800	-
Tổng Cty Xây Dựng Số 1 - TNHH MTV	7.479.217.796	-
Công ty Mê Kông	2.897.235.000	-
Công ty TNHH Võ Minh Đức	508.000.000	-
Công ty CP Kỹ Thuật Nam Công	660.500.589	-
Công ty TNHH MTV TM Mai Lập Phúc	516.560.000	-
Các đối tượng khác	15.840.867.675	17.292.605.520
Cộng	**48.400.716.788**	**35.081.859.837**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Công ty TNHH MTV TM Kỳ Hoà	7.588.047.303	-
Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Tp.HCM	4.529.996.911	8.682.443.570
Công ty Đầu tư thủy điện Đa Dâng 3	4.000.000.000	-
Công ty CP ĐT XD Quốc tế Việt Nhật	3.990.000.000	-
Phòng tài chính kế hoạch TP Biên Hoà	2.940.000.000	2.940.000.000
Công ty CP PT Điện Lực Việt Nam - VPLV TĐ Bắc Bình	1.566.959.451	-
Các đối tượng khác	3.472.908.094	2.851.512.559
Cộng	**28.087.911.759**	**14.473.956.129**

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Thuế giá trị gia tăng	3.657.115.802	8.582.404.619
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	434.771.912
Thuế thu nhập cá nhân	729.678.116	1.108.669.684
Thuế tài nguyên	1.317.623.933	494.023.844
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	30.774.823	662.774.823
Các loại thuế khác	220.265.686	220.265.686
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	800.250.524	-
Cộng	**6.755.708.884**	**11.502.910.568**

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Lãi vay	110.902.927	303.966.353
Chi phí trích trước của các công trình	36.411.622	348.590.542
Chi phí khác	145.000.000	60.000.000
Cộng	**292.314.549**	**712.556.895**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Kinh phí công đoàn	1.343.350.426	1.345.604.746
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	484.053.597	499.091.033
Phải trả phải nộp khác	7.241.898.352	7.043.509.163
Cổ tức năm 2012	*2.574.913.247*	*2.999.752.000*
Cổ tức năm 2013	*642.804.200*	-
Tiền lãi vay phải trả	-	*114.633.333*
Các khoản phải trả, phải nộp khác	*4.018.292.405*	*3.929.123.830*
Cộng	**9.069.302.375**	**8.888.204.942**

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Các khoản phải trả dài hạn khác là tiền đặt cọc của các cá nhân mua đất dự án khu phố 3 ở phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Chỉ tiêu	*Ghi chú*	*Cuối năm*	*Đầu năm*
		VND	*VND*
Vay dài hạn các tổ chức tín dụng		**11.000.000.000**	**30.312.555.608**
Vietin bank - CN 10 thành phố Hồ Chí Minh		11.000.000.000	30.312.555.608
Vay dài hạn đến hạn trả		**(11.000.000.000)**	**(16.000.000.000)**
Vietin bank - CN 10 thành phố Hồ Chí Minh		(11.000.000.000)	(16.000.000.000)
Cộng		-	**14.312.555.608**

Vay dài hạn ngân hàng Công thương - CN 10 (Vietinbank) theo hợp đồng tín dụng số 11.09.1024/HĐTD ngày 16 tháng 02 năm 2011 với hạn mức tín dụng là 103.000.000.000 đồng; thời hạn vay là 84 tháng; lãi suất vay hiện tại là 11%/năm (áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2014); mục đích vay là đầu tư khai thác dự án mỏ đá Tân Mỹ, xã Tân Mỹ, Thường Tân, huyện Tây Uyên, tỉnh Bình Dương; khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản đảm bảo theo phụ lục hợp đồng tín dụng số 06/11.09.1024 năm 2012 với tổng giá trị tài sản là 87.599.460.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	*Vốn đầu tư của chủ sở hữu*	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Cổ phiếu quỹ*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ dự phòng tài chính*	*Lợi nhuận chưa phân phối*	*Cộng*
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
Số dư đầu kỳ	108.890.310.000	41.757.121.909	(2.967.507.603)	21.292.345.175	5.392.177.451	5.481.269.542	179.845.716.474
Lãi/(lỗ) sau thuế	-	-	-	-	-	(40.303.991.867)	(40.303.991.867)
Chia các quỹ	-	-	-	317.099.177	175.270.000	(720.220.177)	(227.851.000)
Chia cổ tức (a)	-	-	-	-	-	(3.097.434.300)	(3.097.434.300)
Xử lý lỗ 2014 (b)	-	(40.303.991.867)	-	-	-	40.303.991.867	-
Số dư cuối kỳ	**108.890.310.000**	**1.453.130.042**	**(2.967.507.603)**	**21.609.444.352**	**5.567.447.451**	**1.663.615.065**	**136.216.439.307**

(a) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 05 năm 2014, cổ tức năm 2013 chia cho các cổ đông là 3% tương đương 3.097.434.300 đồng.

(b) Hội đồng quản trị quyết định sử dụng thặng dư vốn cổ phần để xử lý các khoản lỗ trong quá trình SXKD năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường 2014 ngày 20 tháng 09 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU *(tiếp theo)*

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thành viên	*Cuối năm*	*Tỷ lệ*	*Đầu năm*	*Tỷ lệ*
	VND	*%*	*VND*	*%*
Vốn thuộc sở hữu của nhà nước	21.048.430.000	19	21.048.430.000	19
Vốn thuộc sở hữu của các cổ đông khác	87.841.880.000	81	87.841.880.000	81
Cộng	**108.890.310.000**	**100**	**108.890.310.000**	**100**

c. Cổ phiếu

Chỉ tiêu	*Năm nay*	*Năm trước*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.889.031	10.889.031
Cổ phiếu phổ thông	*10.889.031*	*10.889.031*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(564.250)	(564.250)
Cổ phiếu phổ thông	*(564.250)*	*(564.250)*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.324.781	10.324.781
Cổ phiếu phổ thông	*10.324.781*	*10.324.781*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

22. DOANH THU THUẦN

Chỉ tiêu	*Năm nay*	*Năm trước*
	VND	*VND*
Doanh thu khai thác đá	28.878.693.389	13.019.623.718
Doanh thu của hoạt động kinh doanh bất động sản	3.203.186.609	3.827.880.849
Doanh thu của hoạt động xây lắp	125.541.211.013	189.416.596.920
Doanh thu hoạt động khác	2.835.054.545	901.018.328
Cộng	**160.458.145.556**	**207.165.119.815**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Chỉ tiêu	*Năm nay* VND	*Năm trước* VND
Giá vốn khai thác đá	23.127.262.567	12.462.404.405
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	3.203.186.609	3.469.235.829
Giá vốn của hoạt động xây lắp	147.105.404.717	162.770.410.967
Giá vốn của hoạt động khác	2.987.804.501	304.458.018
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	388.378.282	-
Cộng	**176.812.036.676**	**179.006.509.219**

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	*Năm nay* VND	*Năm trước* VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.337.024.244	1.559.470.489
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.144.400.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.692.063.000	-
Cộng	**7.173.487.244**	**1.559.470.489**

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	*Năm nay* VND	*Năm trước* VND
Lãi tiền vay	17.297.890.312	16.213.158.248
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	442.800.000	-
Cộng	**17.740.690.312**	**16.213.158.248**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Chỉ tiêu	*Năm nay* VND	*Năm trước* VND
Chi phí nhân viên bán hàng	459.169.674	267.224.026
Chi phí vật liệu, bao bì	124.796.975	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.340.235	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	121.885.984	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.675.162.191	-
Chi phí bằng tiền khác	1.585.072.788	-
Cộng	**5.975.427.847**	**267.224.026**

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	*Năm nay* VND	*Năm trước* VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.417.417.665	5.699.080.458
Chi phí vật liệu quản lý	816.582.534	803.554.151
Chi phí đồ dùng văn phòng	265.793.225	141.498.638
Chi phí khấu hao TSCĐ	943.557.372	819.956.184
Thuế, phí và lệ phí	55.784.371	636.877.907
Chi phí dự phòng	8.092.444.947	100.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.420.839.000	1.822.142.755
Chi phí bằng tiền khác	581.255.437	488.544.738
Cộng	**19.593.674.551**	**10.511.654.831**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

28. THU NHẬP KHÁC

Chỉ tiêu	*Năm nay* VND	*Năm trước* VND
Thu thanh lý tài sản cố định	3.620.909.093	-
Thu nhập từ tiền điện thụ hộ các đơn vị thuê đất tại mỏ đá Tân Mỹ	570.011.222	-
Tiền nộp về quỹ sắp xếp Doanh nghiệp của nhà nước	366.838.884	-
Cho thuê mặt bằng	49.090.909	-
Thu nhập khác	11.800.087	13.161.190
Cộng	**4.618.650.195**	**13.161.190**

29. CHI PHÍ KHÁC

Chỉ tiêu	*Năm nay* VND	*Năm trước* VND
Chi phí thanh lý TSCĐ	1.063.628.305	-
Chi phí tiền điện chi hộ các đơn vị thuê đất tại mỏ đá Tân Mỹ	570.009.749	-
Chi phí khác	1.801.912.085	295.229.236
Cộng	**3.435.550.139**	**295.229.236**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
a. Hoạt động kinh doanh bất động sản		
Doanh thu	3.203.186.609	3.827.880.849
Giá vốn và chi phí phân bổ	(3.594.330.329)	(3.663.464.289)
Thu nhập chịu thuế (1)	**(391.143.720)**	**164.416.560**
Thu nhập tính thuế	**-**	**164.416.560**
Thuế suất thuế TNDN (2)	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (I)	**-**	**41.104.140**
b. Hoạt động xây lắp và khác		
Doanh thu và thu nhập khác	169.047.096.386	204.909.870.645
Giá vốn và chi phí phân bổ	(219.963.049.196)	(202.630.311.271)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**(50.915.952.810)**	**2.279.559.374**
Các khoản điều chỉnh tăng	1.764.063.019	73.253.898
Chi phí không hợp lý	*1.764.063.019*	*73.253.898*
Thu nhập chịu thuế (3)	**(49.151.889.791)**	**2.352.813.272**
Thu nhập tính thuế	**-**	**2.352.813.272**
Thuế suất thuế TNDN (2)	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (II)	**-**	**588.203.318**
Thuế TNDN bị truy thu từ năm 2008 đến năm 2011 (III)	-	61.970.199
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước (IV)	(103.637.291)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (V) = (I) + (II) + (III) + (IV)	**(103.637.291)**	**691.277.657**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (VI) = ((1) + (3))*(2)	**(10.899.467.372)**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Lợi nhuận kế toán sau thuế	**(40.303.991.867)**	**1.752.698.277**
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu	-	-
Lãi/ (lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(40.303.991.867)	1.752.698.277
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.324.781	10.446.028
Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	**(3.904)**	**168**

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.859.819.357	104.202.591.555
Chi phí nhân công	35.794.746.552	30.452.218.116
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.892.262.697	4.721.862.787
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.704.844.766	1.913.511.290
Chi phí thuế, phí và lệ phí	84.923.736	636.877.907
Chi phí dự phòng	8.092.444.947	100.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.440.291.058	10.612.885.878
Chi phí bằng tiền khác	10.006.740.322	3.559.254.068
Chi phí thầu phụ	58.988.235.786	40.663.540.561
Cộng	**202.864.309.221**	**196.862.742.162**

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm

Đối tượng	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Giá trị* *VND*
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ xây lắp	29.141.432.021
		Chia cổ tức năm 2013	497.508.107
Công ty Cổ phần Miền Đông – Đầu tư Hạ tầng	Công ty liên kết	Thuê mặt bằng	90.000.000
Công ty Cổ phần Miền Đông – Cơ khí Điện máy	Công ty liên kết	Cho thuê xưởng	88.895.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN *(tiếp theo)*

b. Số dư công nợ phải thu/(phải trả) với các bên liên quan

Đối tượng	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Phải thu/ (Phải trả) VND*
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	Cổ đông lớn	Công trình xây lắp	10.098.179.293
		Phải trả mua vật tư	(7.479.217.796)
		Cổ tức phải trả	(3.019.449.554)
Công ty Cổ phần Miền Đông – Đầu tư Hạ tầng	Công ty liên kết	Thuê mặt bằng	(53.897.055)

c. Giao dịch với thành viên ban lãnh đạo chủ chốt

Tổng tiền lương và thưởng của các thành viên lãnh đạo chủ chốt trong kỳ

Chỉ tiêu	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	1.184.604.700	1.134.429.900

34. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

34. THÔNG TIN BỘ PHẬN *(tiếp theo)*

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty có các vực kinh doanh như sau: Hoạt động sản xuất đá, Hoạt động xây lắp, kinh doanh bất động sản và hoạt động khác.

Năm nay	*Bất động sản*	*Hoạt động sản xuất đá*	*Hoạt động xây lắp*	*Khác*	*Cộng*
	VND	**VND**	**VND**	**VND**	**VND**
Doanh thu và thu nhập khác	3.203.186.609	28.878.693.389	125.541.211.013	14.627.191.984	172.250.282.995
Chi phí trực tiếp	(3.203.186.609)	(23.127.262.567)	(147.493.782.999)	(6.866.154.640)	(180.690.386.815)
Chi phí phân bổ	(364.366.286)	(7.011.661.527)	(32.358.197.899)	(3.132.766.997)	(42.866.992.710)
Lợi nhuận trước thuế (1)	**(364.366.286)**	**(1.260.230.705)**	**(54.310.769.885)**	**4.628.270.347**	**(51.307.096.530)**
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	-	-	-	1.764.063.019	1.764.063.019
Thu nhập chịu thuế (2)	**(364.366.286)**	**(1.260.230.705)**	**(54.310.769.885)**	**6.392.333.366**	**(49.543.033.511)**
Thuế suất thuế TNDN (3)	**22%**	**22%**	**22%**	**22%**	**22%**
Chi phí thuế TNDN hiện hành (4)	-	-	-	(103.637.291)	(103.637.291)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại (5) = (2)*(3)	(80.160.583)	(277.250.755)	(11.948.369.375)	1.406.313.340	(10.899.467.372)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (6)=(1)-(4)-(5)	**(284.205.703)**	**(982.979.950)**	**(42.362.400.511)**	**3.325.594.297**	**(40.303.991.867)**

Thông tin về tài sản bộ phận và công nợ bộ phận: Công ty không theo dõi và quản lý tài sản và công nợ theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi sổ				*Giá trị hợp lý*	
	Số cuối năm		*Số đầu năm*		*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*		
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.778.141.398	-	22.095.176.918	-	22.778.141.398	22.095.176.918
Phải thu khách hàng	62.889.069.070	8.092.444.947	86.857.276.789	-	54.796.624.123	86.857.276.789
Trả trước cho người bán	11.682.256.584	714.784.623	18.402.667.586	714.784.623	10.967.471.961	17.687.882.963
Phải thu khác	10.658.602.297	10.797.378	10.032.971.722	10.797.378	10.647.804.919	10.022.174.344
Đầu tư tài chính dài hạn	8.032.200.000	250.000.000	57.251.230.000	250.000.000	7.782.200.000	57.001.230.000
Cộng	**116.040.269.349**	**9.068.026.948**	**194.639.323.015**	**975.582.001**	**106.972.242.401**	**193.663.741.014**
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ ngắn hạn	134.245.589.610	-	164.013.869.799	-	134.245.589.610	164.013.869.799
Phải trả người bán	48.400.716.788	-	35.081.859.837	-	48.400.716.788	35.081.859.837
Người mua trả tiền trước	28.087.911.759	-	14.473.956.129	-	28.087.911.759	14.473.956.129
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.755.708.884	-	11.502.910.568	-	6.755.708.884	11.502.910.568
Chi phí phải trả	292.314.549	-	712.556.895	-	292.314.549	712.556.895
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	9.069.302.375	-	8.888.204.942	-	9.069.302.375	8.888.204.942
Phải trả dài hạn người bán	-	-	13.045.362.506		-	
Phải trả dài hạn khác	615.727.200	-	615.727.200		615.727.200	
Vay và nợ dài hạn	-	-	14.312.555.608	-	-	14.312.555.608
Cộng	**227.467.271.165**	**-**	**262.647.003.484**	**-**	**227.467.271.165**	**248.985.913.778**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, các khoản vay, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

36. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

i. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

ii. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán và các khoản vay có lãi suất cố định.

iii. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Công ty không phải chịu rủi ro về giá thị trường vì không nắm giữ bất kỳ khoản đầu tư nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 ngoại trừ khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số 11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

36. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Các khoản phải thu khách hàng thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung vào một khách hàng nhất định.

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Công nợ tài chính	*Dưới 1 năm* *VND*	*Từ 1 đến 5 năm* *VND*	*Trên 5 năm* *VND*	*Cộng* *VND*
Cuối năm	**226.851.543.965**	**615.727.200**	**-**	**227.467.271.165**
Vay và nợ	134.245.589.610	-	-	134.245.589.610
Phải trả người bán	48.400.716.788	-	-	48.400.716.788
Người mua trả tiền trước	28.087.911.759	-	-	28.087.911.759
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.755.708.884	-	-	6.755.708.884
Chi phí phải trả	292.314.549	-	-	292.314.549
Các khoản phải trả khác	9.069.302.375	615.727.200	-	9.685.029.575
Đầu năm	**234.673.358.170**	**27.973.645.314**	**-**	**262.647.003.484**
Vay và nợ	164.013.869.799	14.312.555.608	-	178.326.425.407
Phải trả người bán	35.081.859.837	13.045.362.506	-	48.127.222.343
Người mua trả tiền trước	14.473.956.129	-	-	14.473.956.129
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.502.910.568	-	-	11.502.910.568
Chi phí phải trả	712.556.895	-	-	712.556.895
Các khoản phải trả khác	8.888.204.942	615.727.200	-	9.503.932.142

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

36. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn, giảm giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tài sản tài chính	*Giá trị ghi sổ*	*Trong đó*	
		Quá hạn	*Giảm giá*
	VND	*VND*	*VND*
Phải thu khách hàng	62.889.069.070	8.092.444.947	-
Trả trước người bán	11.682.256.584	714.784.623	-
Phải thu khác	10.658.602.297	10.797.378	-
Cộng	**85.229.927.951**	**8.818.026.948**	-

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

38. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

39. THÔNG TIN KHÁC

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Khúc Thị Thanh Hoài	**Mai Xuân Ngợi**	**Nguyễn Công Khai**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 24 tháng 03 năm 2015